

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Năm 2021 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025). Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm diễn ra trong bối cảnh có nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, của tỉnh như: Tổ chức thành công Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026; kinh tế của tỉnh có bước phục hồi trong điều kiện bình thường mới, tiếp nối những kết quả quan trọng và toàn diện đã đạt được của năm 2020, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh năm 2020 mới được công bố chính thức tại Niên giám Thống kê năm 2020 đạt 7,95%, vượt 0,45% kế hoạch năm 2020 và tăng 3,9% so với số liệu sơ bộ do Tổng cục Thống kê công bố vào tháng 12/2020. Tuy nhiên còn rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng khá nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội; giá nguyên, nhiên vật liệu tăng, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất làm cho giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng; thời tiết diễn biến thất thường, mưa đá, gió lốc, nắng nóng kéo dài, dịch tả lợn Châu Phi tái phát ở một số xã, bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò xảy ra ở một số huyện,... gây thiệt hại và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Trước những khó khăn đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, quyết tâm thực hiện “mục tiêu kép” vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế, trong 6 tháng đầu năm tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng, an ninh được đảm bảo, kết quả cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Về phát triển kinh tế

Công tác điều hành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả, một số chỉ tiêu kinh tế tăng so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

1.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; xây dựng nông thôn mới

Tập trung xây dựng, ban hành và triển khai các Nghị quyết, Đề án chương trình trọng điểm nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra¹. Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh tái cơ cấu gắn với chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp².

- Trong 6 tháng đầu năm, tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 44.202 ha, diện tích thu hoạch đạt 8.780 ha, sản lượng đạt 44.960 tấn, tăng 6,1%; tiếp tục chăm sóc 7.902 ha chè, công tác chuẩn bị giống, vật tư phân bón để thực hiện trồng mới cơ bản đáp ứng đủ theo kế hoạch, diện tích chè trồng mới đạt 100 ha; sản lượng chè tươi đạt 21.000 tấn, bằng 47,7% kế hoạch, tăng 23,5%. Trồng mới 59 ha cây ăn quả, nâng diện tích cây ăn quả hiện có lên 8.125 ha; sản lượng thu hoạch đạt 42,6% kế hoạch, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Tập trung chỉ đạo công tác tái đàn; bước đầu đã thu hút được một số nhà đầu tư khảo sát, đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi³. Tổng đàn gia súc⁴ đạt 96,4% kế hoạch; tổng đàn gia cầm⁵ đạt 97,1% kế hoạch; sản lượng thịt hơi các loại đạt⁶

¹ Tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 quy định chính sách về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 về phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức Hội nghị triển khai các Nghị quyết về chính sách phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 tại thành phố Lai Châu.

² Trong 6 tháng đầu năm đã hỗ trợ: 64,13 tấn giống lúa thuần với diện tích 916 ha (đạt 12,45% kế hoạch); 83,1 tấn giống ngô lai với diện tích 4.686 ha (đạt 42,9% kế hoạch); Hỗ trợ hộ gia đình làm 76 chuồng chăn nuôi (đạt 11,5% kế hoạch); Hỗ trợ xây dựng chuồng trại tập trung với 612 con gia súc (đạt 22,5% kế hoạch); Hỗ trợ trồng 50 ha cỏ (đạt 72,7% kế hoạch); Hỗ trợ khai hoang ruộng nước 51 ha (đạt 15,8% kế hoạch); Hỗ trợ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp 248 máy (đạt 11,6% kế hoạch).

³ Xảy ra 02 đợt rét đậm, rét hại làm chết 189 con gia súc, xuất hiện một số dịch bệnh nguy hiểm trên đàn vật nuôi, đặc biệt bệnh Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò, tổng số gia súc nhiễm bệnh 214 con, điều trị khỏi 41 con, chết và tiêu hủy 85 con, đang nuôi cách ly, chăm sóc nuôi dưỡng 91 con. Tổng diện tích cây trồng nhiễm sâu bệnh là 1.768 ha, giảm 660 ha so với cùng kỳ năm trước; tổng diện tích được phòng trừ 1.673 ha đạt trên 94% diện tích nhiễm sâu bệnh.

⁴ Tổng đàn gia súc đạt 307.930 con

⁵ Tổng đàn gia cầm đạt 1.561 nghìn con

⁶ Sản lượng thịt hơi các loại đạt 7,8 nghìn tấn

56,5% kế hoạch. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục duy trì ổn định, sản lượng đánh bắt và nuôi trồng đạt 35,8% kế hoạch, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước.

- Chuẩn bị đảm bảo các điều kiện phục vụ trồng rừng mới năm 2021 theo kế hoạch; gieo ươm trên 3,89 triệu cây giống, phát dọn thực bì 1.339 ha, trồng mới đạt 735 ha, bằng 44,5% kế hoạch. Tập trung chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, phát hiện 68 vụ, giảm 40 vụ so với cùng kỳ năm trước⁷. Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) được quan tâm, chỉ đạo sát sao, đầu tháng 6/2021 thực hiện thanh toán xong tiền DVMTR năm 2020 cho bên cung ứng DVMTR với tổng số tiền lũy kế của kế hoạch năm 2020 là 463,597 tỷ đồng, hoàn thành sớm hơn so với cùng kỳ năm trước; tiếp tục triển khai thực hiện việc thu, chi tiền DVMTR năm 2021 theo quy định.

- Về xây dựng nông thôn mới: Thường xuyên kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng quan tâm công tác duy trì và nâng cao các tiêu chí ở các xã đạt chuẩn, đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021. Tổ chức lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 đối với 04 xã; công nhận 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 (xã Khun Há, huyện Tam Đường); hướng dẫn, đôn đốc huyện Tân Uyên hoàn thiện hồ sơ huyện đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân tiêu chí toàn tỉnh đạt 15,3 tiêu chí/xã, tăng 1,1 tiêu chí/xã so với cùng kỳ năm trước. Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình OCOP năm 2021 với 75 sản phẩm đăng ký tham gia; xây dựng Quy chế quản lý sản phẩm OCOP được chứng nhận đạt hạng 03 sao trở lên trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Về tiêu thụ các sản phẩm nông sản của tỉnh có những khó khăn: Tiêu thụ sản phẩm chè, cao su bị ảnh hưởng (giá vận chuyển tăng, thời gian vận chuyển kéo dài, yêu cầu chất lượng cao hơn, giá thành giảm,...); một số sản phẩm không xuất khẩu được do nước nhập khẩu thắt chặt xuất khẩu tiểu ngạch hoặc chưa nằm trong danh mục sản phẩm xuất khẩu của nước bạn (thảo quả, tinh dầu sả,...); sản phẩm thủy sản khó tiêu thụ. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản đề nghị các Bộ; đồng thời chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, tìm kiếm thị trường, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kết nối, tiêu thụ sản phẩm. Bước đầu đã tháo gỡ được một phần khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm.

⁷ Trong đó: Phá rừng trái pháp luật 08 vụ, diện tích thiệt hại 0,48 ha; khai thác rừng trái pháp luật 05 vụ; vi phạm quy định về PCCCR 04 vụ (diện tích thiệt hại: 0,16 ha rừng tự nhiên, 0,8 ha rừng trồng, 10,77 ha cây trồng chưa thành rừng); mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật 28 vụ; tàng trữ lâm sản trái pháp luật 21 vụ; vi phạm khác 02 vụ. Số vụ vi phạm đã xử lý 60 vụ (xử phạt hành chính 59 vụ, chuyển xử lý hình sự 01 vụ).

1.2. Sản xuất công nghiệp; đầu tư xây dựng cơ bản; xây dựng quản lý đô thị

- Sản xuất công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) đạt 1.904,7 tỷ đồng, bằng 30,3% kế hoạch, tăng 29,5% so với cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu: Điện sản xuất 1.718 triệu kWh, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước; đá xây dựng 316.941 m³, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; chè các loại 4.629 tấn, tăng 47,4% so với cùng kỳ năm trước; gạch xây dựng 61,645 triệu viên, tăng 82,5% so với cùng kỳ năm trước; nước máy sản xuất 2.604 triệu m³, tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước; xi măng 3.181 tấn, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm trước. Có thêm 04 nhà máy thủy điện hoàn thành phát điện⁸, nâng tổng số lên 26 nhà máy phát điện hòa lưới điện quốc gia.

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Tổng kế hoạch vốn đầu tư đến thời điểm hiện nay (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2020 chuyển sang) là 2.080,72 tỷ đồng, đã giao chi tiết 1.539,76 tỷ đồng, giải ngân đến hết ngày 30/6/2021 là 715,51 tỷ đồng, bằng 46,47% kế hoạch vốn đã giao chi tiết, tỉnh Lai Châu nằm trong nhóm có tỷ lệ giải ngân trên trung bình cả nước. Tổng kế hoạch vốn chưa giao chi tiết đến các dự án, đơn vị thực hiện: 540,95 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương: 398,09 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương: 142,86 tỷ đồng.

- Ban hành kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Lai Châu đến năm 2022, định hướng đến năm 2030; thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường định kỳ hằng tháng theo quy định⁹. Thẩm định, phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Than Uyên, Tân Uyên đến năm 2035. Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025. Quản lý, vận hành hệ thống quản lý thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

1.3. Thương mại - dịch vụ

- Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tập trung chỉ đạo thực hiện¹⁰; thị trường hàng hóa cơ bản ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm đạt 3.366,6 tỷ đồng, bằng 51,1% kế hoạch năm, tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 0,16% so với cùng kỳ năm trước.

⁸ Gồm: Nậm Ban 3 công suất 22 MW phát điện tháng 3/2021; Nậm Sì Lường 4 công suất 25,1 MW phát điện tháng 4/2021; Nậm Dích 1 công suất 18 MW phát điện tháng 5/2021; Hua Chăng 2 công suất 7 MW phát điện tháng 5/2021.

⁹ Giá thép tăng 14% so với cùng kỳ năm trước, các vật liệu khác cơ bản ổn định.

¹⁰ Sáu tháng đầu năm đã phát hiện và xử lý 210 vụ vi phạm. Tổng số tiền thu nộp ngân sách 521,15 triệu đồng.

- Phổ biến kịp thời các thông tin về thị trường xuất khẩu và công tác phòng ngừa, kiểm soát dịch bệnh đến các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng giá trị xuất nhập khẩu trên địa bàn đạt 39,97 triệu USD, bằng 69,3% kế hoạch, tăng 45,4%; trong đó, giá trị xuất khẩu hàng địa phương đạt 10,25 triệu USD, bằng 62,75% kế hoạch, tăng 102,6% so với cùng kỳ năm trước¹¹. Các hoạt động xuất nhập cảnh tại cửa khẩu, lối mở tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ.

- Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa giao thương. Thực hiện tốt công tác chỉ đạo các doanh nghiệp vận tải, đơn vị khai thác bến xe, cơ sở đào tạo thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch Covid -19. Doanh thu vận tải đạt 155,31 tỷ đồng, bằng 61,2% kế hoạch, tăng 53,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Tiếp tục thông tin, quảng bá, xúc tiến du lịch bằng nhiều hình thức; triển khai vận hành Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động. Ký kết hợp tác phát triển du lịch với các địa phương¹². Hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, các điểm du lịch triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định. Sáu tháng đầu năm, lượng khách, doanh thu đều tăng cao so với cùng kỳ năm trước, thời điểm dịch Covid-19 chưa bùng phát trở lại một số điểm du lịch thu hút đông du khách như Cầu kính Rồng Mây, bản Sin Súi Hồ,... Toàn tỉnh đón 282.504 lượt khách, đạt 60,1% so với kế hoạch, tăng 2,4 lần; tổng doanh thu đạt gần 189 tỷ đồng, bằng 63,2% kế hoạch, tăng gần 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước¹³. Chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông được cải thiện, toàn tỉnh có 1.857 trạm BTS, tăng 48 trạm so với cùng kỳ năm trước.

2. Hoạt động ngân hàng

Hệ thống các tổ chức tín dụng hoạt động đảm bảo an toàn, hiệu quả, lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay ổn định, góp phần thúc đẩy sản xuất của doanh nghiệp và hộ dân; công tác thanh toán không dùng tiền mặt tiếp tục được đẩy mạnh. Tổng huy động vốn lũy kế đến ngày 30/6/2021 đạt 16.469 tỷ đồng, tăng 2,3%, trong đó nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 7.883 tỷ đồng, tăng 15,6%; tổng dư nợ đạt 15.752 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ nợ xấu nội bảng 1,9%. Các tổ chức tín dụng tiếp tục triển khai có hiệu quả các

¹¹ Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của địa phương gồm: Chè 1.168 tấn, trị giá 2,4 triệu USD; ngô, sắn, quả chuối xanh, nghệ, mía 23.752 tấn, trị giá 7,8 triệu USD.

¹² Gồm 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, hợp tác phát triển du lịch Lai Châu - Lào Cai...

¹³ Tổng lượt khách và doanh thu du lịch tăng cao so với cùng kỳ do sáu tháng đầu năm 2020 thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn quốc nên lượng khách du lịch 6 tháng đầu năm 2020 rất thấp.

giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn¹⁴ cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tính lũy kế từ đầu chương trình đã miễn, giảm lãi vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tạm thời giữ nguyên nhóm nợ cho 522 khách hàng với tổng dư nợ 1.099 tỷ đồng; cho vay mới đối với 405 khách hàng, doanh số cho vay mới là 1.121 tỷ đồng.

3. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác thu, chi ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo; triển khai quyết liệt nhiều biện pháp quản lý thu, khai thác nguồn thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chi phát sinh; ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tổng thu ngân sách địa phương đạt 5.495,91 tỷ đồng, bằng 75% dự toán Trung ương giao, bằng 72% dự toán HĐND tỉnh giao, tương đương cùng kỳ năm trước; thu ngân sách trên địa bàn đạt 802,92 tỷ đồng, bằng 55% dự toán Trung ương giao, bằng 42% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 3.328,83 tỷ đồng, bằng 46% dự toán HĐND tỉnh giao.

4. Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Sáu tháng đầu năm, cấp đăng ký thành lập mới 57 doanh nghiệp (DN), lũy kế toàn tỉnh đạt 1.647 DN, trong đó 1.376 DN kê khai thuế, chiếm 83,5% tổng số doanh nghiệp; thành lập mới 17 hợp tác xã (HTX), nâng tổng số HTX trên toàn tỉnh lên 346 HTX, trong đó có 243 HTX hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hoạt động thu hút đầu tư được quan tâm chỉ đạo, các cấp, các ngành tăng cường công tác hướng dẫn thủ tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia đầu tư trên địa bàn tỉnh. Phê duyệt chủ trương đầu tư 04 dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, với vốn đăng ký đầu tư trên 861 tỷ đồng, tăng 68,2 tỷ đồng vốn đăng ký đầu tư so với cùng kỳ năm trước; điều chỉnh 16 dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng.

- Triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh¹⁵; xây dựng Đề

¹⁴ Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁵ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2021/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021; Báo cáo phân tích tình hình thực hiện năm 2020 và xây dựng Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh

án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025”. Chỉ đạo các đơn vị liên quan thành lập các Tổ công tác để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực dự án. Thực hiện điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021 tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Cắt giảm 01 cuộc thanh tra đối với 04 doanh nghiệp kinh doanh vận tải; giảm 09 đối tượng thanh tra, kiểm tra tại 04 cuộc thanh tra, kiểm tra để cùng doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, ứng phó với dịch Covid-19. Chỉ số PCI của tỉnh năm 2020 đạt 61,98 điểm, xếp hạng thứ 57/63 tỉnh, thành phố, tăng 6 bậc so với năm 2019, xếp hạng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020.

5. Công tác lập quy hoạch tỉnh

Ban Chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh triển khai các nhiệm vụ lập Quy tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kế hoạch đã phê duyệt; tổ chức 03 phiên họp; làm việc trực tiếp với các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố thảo luận, tham vấn xây dựng quy hoạch. Đến nay cơ bản hoàn thành dự thảo sơ bộ báo cáo tổng hợp và 22 nội dung đề xuất tích hợp quy hoạch tỉnh, đã xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đang tiếp tục hoàn thiện dự thảo báo cáo xin ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan.

6. Về Văn hóa - xã hội

6.1. Về lao động việc làm, an sinh - xã hội, giảm nghèo

- Các chính sách về an sinh - xã hội, giảm nghèo, chính sách đối với người có công được triển khai đầy đủ, kịp thời: Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người nghèo, đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán 2021, tổng số 141.088 suất quà, trị giá trên 50 tỷ đồng; phân bổ 438,855 tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2021 cho 6.537 hộ. Công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, tổ chức trao tặng 1.732 suất quà với tổng trị giá 519,81 triệu đồng cho 1.724 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện phẫu thuật tim bẩm sinh và hỗ trợ tiền ăn, đi lại sau phẫu thuật cho 07 trẻ em với tổng số tiền 333,35 triệu đồng.

- Thông qua các chương trình dự án về phát triển kinh tế, xã hội, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 3.921 lao động, đạt 51,3% kế hoạch¹⁶; giải quyết

Lai Châu năm 2021; Phối hợp với Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu tổ chức chương trình “Cà Phê doanh nhân” và tổ chức các hội nghị gặp mặt doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp...

¹⁶ Trong đó: Thông qua nguồn vốn vay giải quyết việc làm là 1.195 lao động; thông qua các dự án nông, lâm, ngư nghiệp 1021 lao động; tuyển dụng vào các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh 874 lao động; thông qua công tác xuất khẩu lao động 71 lao động; người lao động tự tạo việc làm mới tại địa phương là 760 lao động.

cho 494 lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp. Công tác đào tạo nghề cho lao động đạt thấp, được 2.269 lao động, bằng 28,4% kế hoạch.

- Tình hình thực hiện Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: ước đến hết tháng 6/2021, số người tham gia BHXH, BHYT là 449.400 người, tổng thu bảo hiểm đạt 458.297 triệu đồng, tăng 12.931 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020; nợ bảo hiểm 27.250 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,85% so với số phải thu.

6.2. Về giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; xây dựng đề án “Nâng cao chất lượng xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025”. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, tổ chức kiểm tra học kỳ II và kết thúc năm học sớm để đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh; tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp đều tăng so với năm học trước¹⁷. Tổ chức thành công các kỳ thi, hội thi¹⁸; công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2020 - 2021. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018¹⁹. Hướng dẫn công tác tuyển sinh các cấp và tuyển sinh đại học. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 như: Thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh; ban hành Chỉ thị tăng cường chỉ đạo tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021; tổ chức Hội nghị tập huấn công tác thi, tư vấn ôn thi tốt nghiệp; xây dựng kịch bản đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch được tiếp tục duy trì; cử 08 người đi học sau đại học, 01 người đi học văn bằng 2; duy trì đào tạo 555 học sinh, sinh viên, liên kết đào tạo 587 học viên tại Trường Cao đẳng Cộng đồng.

6.3. Về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

¹⁷ Hoàn thành Năm học 2020-2021 toàn tỉnh có 346 trường với tổng số 151.754 học sinh, giảm 05 trường (do thực hiện chủ trương sáp nhập các trường có quy mô nhỏ), tăng 2.417 học sinh so với năm học trước. Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành và tốt các môn học chiếm 99,7%, tăng 5,7%, tỷ lệ học sinh khá giỏi cấp THCS đạt 52,7%, tăng 7,9 điểm %; THPT đạt 55,9 %, tăng 11,7 điểm %; GDTX đạt 27,6%, giảm 12,4 điểm % so với năm học trước.

¹⁸ Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh năm học 2020-2021; tham gia Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT và Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học năm học 2020 - 2021; thi chọn đội tuyển học sinh giỏi THPT tham dự kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia năm học 2021 - 2022

¹⁹ Lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022; hoàn thiện Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lai Châu lớp 2, lớp 6; tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.

Công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh được tăng cường. Chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19; quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của các cấp. Hoàn thiện và đưa vào vận hành hệ thống xét nghiệm SARS-COV-2 thứ hai, nâng công suất xét nghiệm của tỉnh lên gấp đôi, khoảng 560 mẫu/ngày (nếu xét nghiệm gộp mẫu khoảng trên 2.000 mẫu/ngày). Xây dựng và áp dụng triển khai phần mềm khai báo y tế, truy vết riêng của tỉnh. Triển khai áp dụng “Bộ tiêu chí Phòng khám an toàn phòng chống dịch Covid-19 và các bệnh viêm đường hô hấp cấp” tại các trạm y tế, phòng khám công lập, tư nhân trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các cấp, các ngành, lực lượng vũ trang thực hiện công tác điều tra, giám sát, truy vết các đối tượng liên quan đến các F để thực hiện các biện pháp cách ly theo quy định²⁰. Hoàn thành Kế hoạch tiêm phòng vắc xin Covid-19 đợt 1 và đợt 2 trên toàn tỉnh cho lực lượng tuyến đầu với 19.037 liều. Tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiểm soát, một số bệnh truyền nhiễm cơ bản khác ổn định và giảm so với cùng kỳ năm trước²¹. Trong 6 tháng đầu năm khám, chữa bệnh đạt 41% kế hoạch, giảm 27.073 lượt so với cùng kỳ năm trước. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu về y tế, chăm sóc sức duy trì tiêm chủng mở rộng tại 100% xã, phường, thị trấn, đảm bảo an toàn tiêm chủng. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,62%, thấp hơn so cùng kỳ năm trước 1,2 điểm %.

Lồng ghép các hoạt động truyền thông nhằm thay đổi hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV cho nhóm đối tượng có nguy cơ lây nhiễm cao tại cộng đồng; tiếp tục chăm sóc điều trị thuốc ARV cho bệnh nhân HVI/AIDS, điều trị thay thế nghiện các dạng thuốc phiện bằng Methadone²². Chỉ đạo cơ sở đẩy mạnh hoạt động thông tin giáo dục truyền thông về CSSKSS/KHHGD; tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm là 16,59%, tăng 0,19 điểm% so với cùng kỳ năm trước. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm luôn được quan tâm, chú trọng; chỉ đạo đẩy mạnh công tác truyền thông về vệ sinh an toàn thực phẩm, thanh kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất,

²⁰ Tính từ ngày 01/01 đến ngày 30/6/2021 qua điều tra giám sát, phát hiện, cách ly 52.677 trường hợp, trong đó: đã hoàn thành cách ly 51.176 trường hợp, đang thực hiện cách ly 1.501 trường hợp; lấy mẫu xét nghiệm 13.718 mẫu, hiện tại đã có kết quả xét nghiệm 13.717 mẫu kết quả âm tính, còn 01 mẫu chưa có kết quả xét nghiệm.

²¹ Phát hiện 24 bệnh nhân sốt rét, giảm 09 ca so; 805 người bị chó nghi dại cần đến tiêm phòng dại, giảm 249 người; 09 ca sốt phát ban nghi sởi, tương đương so với cùng kỳ năm 2020; phát hiện 18 trường hợp nghi viêm màng não do vi rút.

²² Tổng số người nhiễm HIV/AIDS còn sống, quản lý được là 1.736 người, trong đó phát hiện mới 34 người. Số người nhiễm HIV/AIDS hiện đang điều trị ARV là 1.188 người, số người nghiện đang được điều trị bằng thuốc Methadone là 2.188 người.

chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống và bếp ăn tập thể, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm²³.

6.4. Về phát triển văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin truyền thông

- Để đảm bảo an toàn trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 nhiều hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao phải tạm dừng hoặc không triển khai theo kế hoạch. Trong 6 tháng đầu năm, tổ chức 32 buổi biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, 136 buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ quần chúng; tổ chức 04 giải thể thao cấp tỉnh, 198 giải thể thao quần chúng, tham gia 06 giải thi đấu khu vực và toàn quốc, đạt 23 huy chương các loại. Vận động, tuyên truyền thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới và nếp sống văn minh đô thị. Xây dựng kế hoạch tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Mông lần thứ III tại tỉnh Lai Châu năm 2021.

- Công tác thông tin, truyền thông được triển khai đúng định hướng, phản ánh mọi mặt đời sống kinh tế, văn hóa xã hội, chính trị của tỉnh. Tập trung tuyên truyền chào mừng các ngày lễ, các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh và địa phương: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, thực hiện tốt thông điệp “5K” theo khuyến cáo của Bộ Y tế; quảng bá hình ảnh Lai Châu; thành lập fanpage, kênh zalo thông tin của UBND tỉnh,... Thường xuyên theo dõi các thông tin viết về tỉnh Lai Châu trên các trang báo điện tử, mạng xã hội, kịp thời phát hiện những thông tin tiêu cực, sai lệch để xử lý theo quy định.

6.5. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Các chính sách đối với đồng bào dân tộc và miền núi, vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quan tâm thực hiện đầy đủ. Tổ chức thẩm định kết quả rà soát xã thuộc khu vực III, II, I và thôn bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định số 2152/QĐ -TTg ngày 18/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2025. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng tình hình kinh tế - xã hội của dân tộc Mảng, La Hủ trên địa bàn tỉnh; rà soát, xác định các dân tộc còn

²³ Thực hiện kiểm tra được 3.361 lượt cơ sở, trong đó 2.859 cơ sở đạt vệ sinh an toàn thực phẩm chiếm 85,1%, đã xử phạt, tiêu hủy sản phẩm với tổng số tiền 41,8 triệu đồng.

gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg; tuyên truyền về hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới và giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống với 05 hội nghị/290 người dân và học sinh trường THCS tại các xã của huyện Mường Tè, Tam Đường.

- Công tác tôn giáo thường xuyên được quan tâm, chỉ đạo; ban hành Kế hoạch về thăm hỏi, tặng quà chúc sắc, chúc việc nhân dịp lễ trọng của các tôn giáo, Kế hoạch thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021. Công tác tuyên truyền, vận động chúc sắc, chúc việc, tín đồ tích cực tham gia cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tập trung chỉ đạo. Đồng bào sinh hoạt tôn giáo ổn định, tuân thủ pháp luật.

7. Về khoa học và công nghệ

Tiếp tục tăng cường hướng dẫn áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Phục tráng chuyên giao quy trình kỹ thuật canh tác và giống lúa Khẩu Hốc siêu nguyên chủng với số lượng 200 kg tại huyện Tân Uyên; xác định 12 giống Sơn tra trồng lấy quả và quy trình kỹ thuật phù hợp tại tỉnh Lai Châu, xây dựng mô hình vườn giống cung cấp giống phát triển trồng Sơn Tra đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng; hoàn thiện, chuyển giao quy trình nhân giống trồng Sâm Lai Châu trên diện tích 600m² tại các xã vùng cao thuộc huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Phong Thổ; xây dựng và vận hành Cổng thông tin SmartGAP hỗ trợ truy xuất các sản phẩm nông sản của tỉnh... Công nhận 25 sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu và 02 sáng kiến được công nhận có phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng toàn quốc năm 2020. Kiểm định 2.051 phương tiện đo các loại, giải quyết cho 38 lượt cá nhân, doanh nghiệp sử dụng phương tiện đo có kiến nghị về sai số.

8. Về tình hình phòng, chống thiên tai, bảo vệ tài nguyên và môi trường; đảm bảo giao thông

- Tập trung rà soát, thống kê hiện trạng các công trình thủy lợi²⁴, kịp thời sửa chữa, nâng cấp các công trình bị hư hỏng, đảm bảo cung cấp đầy đủ nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất. Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống các công trình cấp nước sinh hoạt ở khu vực nông thôn²⁵. Trong 6 tháng đầu năm, trên

²⁴ Hiện toàn tỉnh có 981 công trình trong đó: 04 hồ chứa, 977 công trình tưới tự chảy; công trình kiên cố là 863 công trình; công trình tạm là 118 công trình. Tổng chiều dài kênh mương là 2.165 km, trong đó có 1.692 km kiên cố, 473 km kênh tạm

²⁵ Hiện toàn, trên địa bàn toàn tỉnh có 804 công trình, số công trình đang hoạt động là 692 chiếm 86,07%; cấp nước cho 52.742 hộ dân với 259.390 nhân khẩu, chiếm 71,0% dân số nông thôn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử

địa bàn tỉnh đã xảy ra một số đợt rét đậm, rét hại, mưa đá, đông, lốc ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản của Nhân dân²⁶, ước tổng thiệt hại trên 40 tỷ đồng. Các cấp, các ngành đã trực tiếp xuống cơ sở, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định đời sống, khôi phục sản xuất cho đồng bào, Nhân dân khu vực bị thiên tai.

- Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường tiếp tục được tăng cường, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Công tác quản lý nhà nước về đất đai tiếp tục được quan tâm thực hiện nghiêm túc. Thực hiện cập nhật, bổ sung, điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024; ban hành Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2021; tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ lập Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Lai Châu; hoàn thành công tác lập, thẩm định Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm 2021 cấp huyện. Thực hiện giải quyết thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật²⁷. Xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác khoáng sản. Trong 6 tháng đầu năm, phê duyệt 03 hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản; 06 hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản trong diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình; 01 hồ sơ thăm dò khoáng sản; 03 hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản; 01 hồ sơ khảo sát lựa chọn diện tích để lập đề án thăm dò; 13 hồ sơ cấp phép tài nguyên nước.

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng thường xuyên 1.240,17 km đường bộ được giao quản lý; kịp thời khắc phục, sửa chữa những hư hỏng, xuống cấp. Chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai, đảm bảo giao thông năm 2021 trên hệ thống đường bộ được giao quản lý.

9. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh; công tác đối ngoại

dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 86%; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh khoảng 81,8%.

²⁶ Cụ thể: Về người: 04 người bị thương; về tài sản: Tổng số 349 nhà bị hư hỏng, tốc mái; 184 con gia súc bị chết rét; trên 120 ha cây trồng các loại bị gãy, dập; một số công trình cơ sở hạ tầng bị thiệt hại, ảnh hưởng, một số tuyến đường giao thông bị sạt lở với khối lượng sạt lở, sạt là trên 3500m³.

²⁷ Trong 6 tháng đầu năm, thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích là 458,44 ha; gia hạn sử dụng đất cho 08 tổ chức, bàn giao đất ngoài thực địa cho 24 tổ chức; chấp thuận cho 07 Nhà đầu tư được nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện 09 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; phê duyệt, điều chỉnh 47 phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện các dự án; duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho 32 thửa đất trên địa bàn huyện Sin Hồ, ...Chấp thuận bổ sung danh mục dự án thu hồi đất cho 21 công trình; chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất cho 28 công trình; cấp 1.088 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân; đăng ký giao dịch bảo đảm cho 1.928 lượt hồ sơ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Công tác quốc phòng - an ninh triển khai theo đúng kế hoạch; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, tuần tra canh gác, phòng chống thiên tai, phòng chống dịch Covid-19, luyện tập các phương án bảo vệ cơ quan, đơn vị; bảo đảm an toàn tuyệt đối trong các ngày lễ, sự kiện lớn như: Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nhiệm kỳ 2020-2025, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Xây dựng kế hoạch ra quân huấn luyện năm 2021; tổ chức lễ giao nhận quân năm 2021 với 851 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu giao. Tổ chức diễn tập ứng phó lụt bão – tìm kiếm cứu nạn tại huyện Phong Thổ.

Lực lượng công an đã thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh và đẩy mạnh tấn công, trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đã triệt phá nhiều ổ, nhóm tội phạm hình sự, đường dây mua bán vận chuyển ma túy, các vi phạm trong quản lý kinh tế, bảo vệ môi trường được phát hiện, xử lý nghiêm²⁸.

- Quan hệ đối ngoại với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các tỉnh phía Bắc nước CHDCND Lào được duy trì thông qua trao đổi công thư, công hàm, điện mừng; củng cố và tăng cường quan hệ với một số Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam²⁹. Các thủ tục cho phép các đoàn ra, đoàn vào được thực hiện nhanh chóng, đúng quy định³⁰, công tác hợp tác quốc tế được duy trì. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới, kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến biên giới, lãnh thổ quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định tại các Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới³¹; hiệp thương, thống nhất phương án kè bảo vệ bờ sông biên giới phía Việt Nam.

10. Công tác xây dựng chính quyền, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ, chuẩn bị chu đáo và tổ chức thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 đảm bảo tuyệt đối an toàn, với tỷ lệ 99,8% cử tri đi bầu, một số huyện như Tam Đường, Mường Tè 100% cử tri đi bầu. Công tác cải cách hành chính được chỉ đạo quyết liệt, có nhiều chuyển biến; Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Nghị quyết, Đề án về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường

²⁸ Cụ thể: Xảy ra 93 vụ tội phạm về TTXH, tăng 09 vụ; phát hiện, bắt 376 vụ, 439 đối tượng phạm tội về ma túy, tăng 135 vụ; phát hiện, điều tra, xác minh làm rõ 61 vụ, việc tội phạm về kinh tế, tăng 03 vụ; 70 vụ, việc vi phạm, tội phạm về môi trường, tăng 35 vụ. Xảy ra 37 vụ tai nạn, va chạm giao thông, làm chết 17 người, bị thương 41 người, giảm 03 vụ, giảm 09 người bị thương, tăng 01 người chết so với cùng kỳ năm 2020.

²⁹ Đại sứ quán Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia,...

³⁰ Thực hiện thủ tục cho phép 23 đoàn với tổng số 111 lượt người đến thăm, làm việc tại tỉnh.

³¹ Trong 6 tháng đầu năm xử lý 05 sự kiện biên giới.

đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành các kế hoạch tuyên truyền, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh; triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh và của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; năm 2020: Chỉ số PAR INDEX xếp thứ 38/63, tăng 13 bậc; chỉ số SIPAS xếp thứ 36/63, tăng 8 bậc so với năm 2019.

- Trong 6 tháng đầu năm 2021, Trung tâm Phục vụ hành chính công đã đón tiếp gần 18.000 lượt tổ chức, cá nhân đến thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp nhận mới 12.406 hồ sơ, trong đó tiếp nhận trực tuyến qua dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 là 4.536 hồ sơ. Đã giải quyết và trả kết quả 12.792/13.891 hồ sơ (kỳ trước chuyển sang 1.485 hồ sơ); trong đó trả trước và đúng hạn 12.787 hồ sơ đạt 99,96%, có 05 hồ sơ trả quá hạn chiếm 0,04%. Trong kỳ có 3.163 lượt đánh giá rất hài lòng đạt 95,7%; 143 lượt đánh giá hài lòng đạt 4,3%.

- Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị bám sát định hướng của Thanh tra Chính phủ và nhiệm vụ chính trị của tỉnh để xây dựng và triển khai đảm bảo tiến độ, chất lượng chương trình Kế hoạch thanh tra năm 2021; sáu tháng đầu năm, thực hiện 68 cuộc thanh tra, kiểm tra hành chính, chuyên ngành và thanh tra trách nhiệm, ban hành kết luận 32 cuộc; tiếp nhận 642 đơn các loại, giảm 03 đơn so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 567 đơn đủ điều kiện xử lý; số đơn, vụ việc đã được giải quyết là 381 đơn. Công tác tiếp dân được thực hiện thường xuyên, đúng quy định; trong kỳ tiếp 373 lượt với 493 người bằng 361 vụ việc, giảm 109 lượt và 262 người, 66 vụ việc so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 08 đoàn đông người với 53 người. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sáu tháng đầu năm, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận ủng hộ của Nhân dân, UBND tỉnh cùng các cấp, các ngành đã quyết liệt, chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, triển khai tổ chức thực hiện bài bản, bám sát tình hình thực tế, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh đã từng bước phục hồi, tiếp tục phát triển và đạt được một số kết quả đáng ghi nhận và nổi bật:

- Các cấp, các ngành tích cực triển khai đồng bộ, quyết liệt, kịp thời và thực hiện có hiệu quả “mục tiêu kép”: Các chỉ tiêu kinh tế: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm, thu ngân sách trên địa bàn, sản lượng lương thực có hạt, giá trị sản xuất công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, doanh thu vận tải, doanh thu du lịch được phục hồi và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Một số huyện đã định hướng rõ được các cây trồng, sản phẩm chủ lực gắn với bao tiêu sản phẩm trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh (Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021).

- Thực hiện các giải pháp trong công tác phòng, chống dịch theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy và tạo được sự đồng thuận cao của xã hội, cho đến nay, chưa xảy ra trường hợp nhiễm Covid-19; xử lý nghiêm các vi phạm về phòng chống dịch bệnh. Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, nhất là tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác bầu cử. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo, người có công, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn,... Kịp thời hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, nhanh chóng ổn định đời sống sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân. Chất lượng giáo dục tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ở các cấp học đều tăng so với năm học trước. Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm hơn.

- Góp phần cùng hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân tổ chức thành công tốt đẹp cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, an toàn, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt cao (99,8%); bầu đủ số lượng đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện.

- Chất lượng xây dựng và hoàn thành các Nghị quyết, Đề án đề cụ thể 03 chương trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV được nâng lên; chuẩn bị tài liệu đầy đủ, đảm bảo tiến độ, chất lượng phục vụ kỳ họp thứ mười sáu, HĐND tỉnh khóa XIV. Công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư và đồng hành cùng doanh nghiệp được quan tâm sát sao; năm 2020: Chỉ số PAR INDEX xếp thứ 38/63, tăng 13 bậc; chỉ số SIPAS xếp thứ 36/63, tăng 8 bậc; chỉ số PCI xếp thứ 57/63, tăng 6 bậc so với năm 2019.

- Công tác đối ngoại được duy trì, chủ quyền biên giới Quốc gia được giữ vững. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, chủ động nắm chắc tình hình, triệt phá nhiều ổ, nhóm tội phạm hình sự, đường dây mua bán vận chuyển ma túy; nổi bật là đảm bảo an ninh, trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn trước, trong

và sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

2. Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn một số hạn chế, tồn tại:

- Một số nông sản khó khăn trong tiêu thụ. Nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hộ cá thể phải tạm dừng để phòng chống dịch.
- Đào tạo nghề nông thôn chậm, đạt thấp so với kế hoạch; số người bị mất việc làm tạm thời, giảm giờ làm, giảm thu nhập tăng.
- Chất lượng công tác lập quy hoạch tỉnh và xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu.
- Việc tập trung tuyên truyền cho Nhân dân ý thức tự phòng chống, gia cố nhà cửa trong mùa mưa lũ có lúc, có nơi còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan:

- Nguyên nhân lớn nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đặc biệt khi dịch có những diễn biến phức tạp trong nước, khu vực và trên toàn thế giới, ảnh hưởng lớn đến mọi mặt kinh tế - xã hội.
- Quy hoạch tỉnh là việc mới và khó được lập theo Luật Quy hoạch, đây là quy hoạch tích hợp, lần đầu tiên triển khai có nhiều điểm mới, các hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương còn chậm, một số bộ, ngành Trung ương chưa có hướng dẫn; các quy hoạch ngành, lĩnh vực quốc gia chưa được phê duyệt,...

* Nguyên nhân chủ quan:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ có lúc còn chưa quyết liệt, một số việc còn chậm tiến độ. Công tác phối hợp giữa các cấp, ngành và các huyện, thành phố trong triển khai nhiệm vụ có lúc, có việc còn thiếu chặt chẽ, nhất là về giải phóng mặt bằng.
- Một số người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chưa chú trọng đến công tác xây dựng thể chế.
- Năng lực, trình độ một số cán bộ có mặt còn hạn chế dẫn đến chất lượng công tác tham mưu chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa chú trọng cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới của cấp trên ban hành.

Phần thứ hai
MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO
TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm với những thuận lợi như: Kết quả phát triển kinh tế khá tích cực, sự đồng thuận của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh trong thực hiện nhiệm vụ, giải pháp thực hiện “mục tiêu kép” của tỉnh; kiểm soát tốt dịch bệnh. Tuy nhiên dự báo trong thời gian tới còn nhiều khó khăn thách thức như: Tình hình dịch Covid-19 trong nước vẫn diễn biến phức tạp; số lượng lớn công dân trở về từ vùng dịch; nguy cơ xâm nhập dịch Covid-19 vào địa bàn rất cao; thời gian còn lại không nhiều trong khi đã bắt đầu mùa mưa bão có khả năng ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội; giá nguyên, nhiên, vật liệu tăng cao ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, tiến độ xây dựng cơ bản trên địa bàn trong khi tiến độ giải ngân những tháng đầu năm 2021 chưa đáp ứng được yêu cầu, đặt ra những áp lực lớn trong những tháng cuối năm để đảm bảo hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch năm 2021; mặt khác nguồn lực của tỉnh rất hạn chế nếu phát sinh các nhiệm vụ chi mới khẩn cấp, cấp bách sẽ rất khó khăn cho quá trình cân đối, ... Để đạt được mục tiêu tăng trưởng của cả năm 2021 theo kế hoạch là 7,96%, trong 6 tháng cuối năm phải phấn đấu mức tăng trưởng khoảng 6,5-7% trở lên.

Trong bối cảnh đó, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành cần chung tay hành động quyết liệt hơn, hiệu quả hơn; từ thực tiễn những hạn chế trong 6 tháng đầu năm, rút ra bài học kinh nghiệm, phát huy tinh thần tự lực tự cường; huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, tận dụng mọi cơ hội, vượt qua khó khăn, thực hiện phương châm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “phải biến nguy thành cơ, biến không thể thành có thể”, “không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm”; nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao nhất thực hiện thành công toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2021; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, trong đó tập trung vào những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền kết quả cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội, bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tiếp tục xây dựng các nghị quyết chuyên đề, đề án cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và tập trung triển khai thực hiện quyết liệt ngay từ đầu nhiệm kỳ. Tập trung chuẩn bị tốt các nội dung trình Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh các kỳ họp và các công việc trong Chương trình công tác năm 2021 đảm bảo chất lượng, tiến độ.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

- Tiếp tục thực hiện nghiêm, quyết liệt hơn nữa các chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về phòng, chống dịch Covid-19. Chuẩn bị lực lượng, kiểm soát tốt ở thể chủ động; bảo đảm phương châm “5K + vắc xin”; rà soát, bổ sung, củng cố các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đáp ứng nhu cầu điều trị. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, hồi sức tích cực cấp cứu bệnh nhân Covid-19 cho các bệnh viện trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch tiêm vắc xin phòng Covid-19. Tăng cường bố trí lực lượng kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện xuất nhập cảnh; kiên quyết ngăn chặn, phát hiện kịp thời các trường hợp xuất, nhập cảnh, cư trú trái phép, xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm; giám sát nghiêm ngặt các cơ sở cách ly y tế, công tác bàn giao và quản lý sau cách ly tập trung, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

- Các cấp, các ngành chủ động triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tạo điều kiện khôi phục phát triển sản xuất kinh doanh. Tiếp tục đồng hành cùng doanh nghiệp; gỡ gỡ, khuyến khích doanh nghiệp sớm triển khai các dự án đầu tư, mở rộng, chuyển đổi hình thức đầu tư, nhất là các doanh nghiệp, nhà đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hướng dẫn, triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp tục lựa chọn phát triển các cây, con, sản phẩm chủ lực phù hợp với địa phương và tập trung nguồn lực để thực hiện. Chỉ đạo sản xuất đảm bảo thời vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. Chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi. Tập trung thực hiện công tác tái đàn, phát triển chăn nuôi theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Tiếp tục duy trì các huyện, xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; tập trung nâng cao các tiêu chí, phấn đấu hoàn thành kế hoạch các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2021. Tiếp tục triển khai trồng rừng mới năm 2021 đảm bảo tiến độ, chất lượng; thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai; tăng cường tuyên truyền cho Nhân dân trong việc chủ động phòng, chống thiên tai, giông lốc, mưa đá, chủ động gia cố nhà, mái nhà; nắm chắc địa bàn, chủ động các phương án phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai; tiếp tục kiểm tra, rà soát, chủ động sơ tán

khẩn cấp người dân ở vùng nguy hiểm, vùng có nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người dân.

- Chủ động rà soát kế hoạch sản xuất đảm bảo gắn với tiêu thụ nông sản; đẩy mạnh hỗ trợ quảng bá, tìm đầu ra, thị trường tiêu thụ cho sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của huyện, thành phố; tiếp tục phát triển thêm sản phẩm OCOP. Chủ động xây dựng các phương án và kế hoạch tiêu thụ nông sản ứng phó với dịch Covid-19 đặc biệt đối với các mặt hàng nông sản có sản lượng lớn chuẩn bị vào vụ thu hoạch; hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản.

- Tập trung khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thành các dự án thủy điện, đưa dự án đi vào hoạt động sớm nhất. Tăng cường quản lý đô thị, chuẩn hóa cấp giấy chủ sở hữu.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp quản lý thị trường, giá cả, phòng chống gian lận thương mại, buôn lậu; chủ động theo dõi diễn biến cung cầu hàng hóa thiết yếu trên địa bàn tỉnh để kịp thời triển khai các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa thiết yếu, phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân trong phòng chống dịch bệnh và mùa mưa lũ. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, triển khai thực hiện Kế hoạch số 1723/KH-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ kết nối cung - cầu hàng hóa nông nghiệp và sản phẩm OCOP của tỉnh Lai Châu năm 2021. Tiếp tục triển khai hoàn thiện các thủ tục theo quy định để tổ chức lễ công bố cặp Ma Lò Thàng - Kim Thủy Hà lên cửa khẩu quốc tế theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 07/5/2020 của Chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa, thu hút du lịch.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch trên mạng internet và nền tảng số; quản lý và sử dụng hiệu quả phần mềm du lịch thông minh tỉnh Lai Châu; phục hồi các hoạt động du lịch, điểm du lịch nội địa để thúc đẩy phát triển kinh tế nhưng phải đảm bảo các điều kiện và biện pháp an toàn phòng, chống dịch Covid-19. Triển khai các hoạt động hợp tác phát triển du lịch 08 tỉnh Tây Bắc mở rộng và thành phố Hồ Chí Minh năm 2021. Tổ chức tuần Du lịch – Văn hóa Lai Châu năm 2021, dự kiến trong tháng 11. Tập trung xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Ngày hội Văn hóa dân tộc Mông lần thứ III tỉnh Lai Châu. Tiếp tục nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông.

3. Tập trung xây dựng quy hoạch tỉnh và định hướng xây dựng kế hoạch năm 2022

- Tiếp tục tập trung xây dựng Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo chất lượng, trình xin chủ trương Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2021-2025 theo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2022.

4. Về thu - chi ngân sách và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công

- Tăng cường các biện pháp siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước; đẩy mạnh thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (bao gồm cả chỉ tiêu thu tăng thêm được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 21/5/2021); triển khai thực hiện nghiêm việc tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 6299/BTC-NSNN ngày 11/6/2021. Chủ động phương án bố trí kinh phí đáp ứng để đáp ứng các nhiệm vụ y tế về phòng chống dịch bệnh.

- Chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả; kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân cao còn thiếu vốn để bảo đảm giải ngân hết số vốn được giao. Khẩn trương rà soát và kịp thời phân bổ chi tiết các nguồn vốn còn lại; quan tâm thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, kịp thời xử lý các vướng mắc, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm; đẩy nhanh tiến độ tuyển sinh các lớp đào tạo nghề thường xuyên, đảm bảo hoàn thành kế hoạch; tiếp tục tổ chức tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động. Rà soát đối tượng nghèo không có khả năng ăn Tết nguyên đán và đối tượng có nguy cơ đói giáp hạt năm 2022 để có phương án hỗ trợ. Thực hiện hiệu quả công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em; phòng chống tệ nạn xã hội.

- Tập trung chuẩn bị các điều kiện và tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đảm bảo an toàn, khách quan, minh bạch, đúng quy chế. Phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2021. Chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, khai

giảng năm học mới 2021-2022. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới đối với lớp 2, lớp 6 và chuẩn bị các nội dung cho đổi mới đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10. Xây dựng, triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020-2025". Đẩy mạnh công tác phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh trung học.

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án ứng dụng Công nghệ thông tin y tế thông minh tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, đảm bảo điều kiện triển khai thực hiện quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động triển khai ngay các hoạt động văn hóa, thể thao, khi đảm bảo điều kiện phòng, chống dịch Covid-19; xây dựng kế hoạch, chuẩn bị chu đáo các điều kiện tham gia các Hội thi, hội diễn văn hóa, thể thao khu vực và toàn quốc; tổ chức Ngày hội văn hóa dân tộc Mông lần thứ III tại tỉnh Lai Châu năm 2021. Nâng cao chất lượng cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", đảm bảo Phong trào phát triển cả về chất lượng và số lượng. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh, tuyên truyền thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

- Phát huy nguồn lực tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường; tập trung giải quyết những phức tạp phát sinh liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản, quản lý chặt chẽ việc khai thác không phép, lậu các loại khoáng sản; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

6. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, hạn chế tối đa khiếu kiện đông người, vượt cấp; chỉ đạo các cấp, các ngành kiểm tra, rà soát, đôn đốc giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo còn tồn đọng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong các lĩnh vực tài chính - ngân sách, thực hiện kế hoạch đầu tư công. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

7. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng Chính quyền điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp

Tổ chức sắp xếp bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm cá nhân; tăng cường đi cơ sở, gần việc chỉ đạo, triển khai với công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc; tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, ngành và địa phương trong triển khai nhiệm vụ; chú trọng đến công tác xây dựng thể chế; kịp thời cập nhật, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới của cấp trên ban hành.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cải cách hành chính; tập trung thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Đề án của UBND tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Lai Châu; ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0.

8. Tăng cường quốc phòng - an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới. Bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng, an ninh mạng, ngày lễ lớn, hội nghị trên địa bàn tỉnh. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời đấu tranh ngăn chặn mọi âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Chủ động phòng ngừa, có giải pháp cụ thể ngăn chặn các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, các đạo lạ, thế lực thù địch lợi dụng các hoạt động tôn giáo để chia rẽ mỗi đoàn kết. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Tăng cường giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực, đặc biệt là xúc tiến xuất nhập khẩu với tỉnh Vân Nam, xây dựng biên giới hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Theo dõi sát tình hình biên giới, đường biên, cột mốc; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, các sự kiện biên giới theo Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh uỷ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- V, C;
- Lưu: VT, Th7.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải

A

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2020	Kế hoạch năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
-	Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi	%	92,76	96,60	97,18	97,49	4,4	0,6	0,9	
-	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	94,9	95,2	95,15	95,2	0,3	0,0	-	
-	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	91,9	96,0	96,0	96,0	4,1	-	-	
-	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	83,2	87,0	86,0	87,0	2,8	-1,0	-	
-	Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%		99,5		99,5			-	
-	Tỷ lệ trạm y tế xã được xây dựng kiên cố	%		94,2		94,2			-	
6	Giáo dục									
-	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	106	106	106	106	100,0	100,0	100,0	
-	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 trở lên và đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 trở lên	%	100	100	100	100	-	-	-	
-	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%		98,0		98,0	-		-	
-	Tỷ lệ tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%		98,5		98,5	-		-	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường	%		94,0		94,0	-		-	
-	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường	%		53,0		53,0	-		-	
-	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	43,7	52,7	49,4	52,7	5,7	-3,3	-	
7	Y tế, dân số									
-	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%		30,0		30,0			-	
-	Số bác sỹ trên vạn dân	1/10.000	9,12	12,2	11,48	12,2	2,4	-0,7	-	
-	Mức giảm tỷ suất sinh	‰		0,40		0,40			-	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng năm 2020	Kế hoạch năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng									
+	Thẻ nhẹ cân	%		18,79		18,79			-	
+	Thẻ thấp còi	%		26,02		26,02			-	
8	Giảm nghèo, giải quyết việc làm									
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%		3,0		3,0			-	
+	Riêng các huyện nghèo	%		4,3		4,3			-	
-	Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Người	2.641	7.650	3.921	7.720	148,5	51,3	100,9	
-	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	3.061	8.000	2.269	8.000	74,1	28,4	100,0	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	47,0	53,4	51,6	53,4	4,6	-1,8	-	
9	Văn hóa									
-	Tỷ lệ thôn, bản, khu dân cư có nhà văn hóa	%		77,0		77,0			-	
-	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		85,1		85,1			-	
-	Tỷ lệ thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		74,2		74,2			-	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		96,5		96,5			-	
-	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%		87,4		87,4			-	
10	Môi trường									
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý	%		95,0	94,59	95,0		-0,4	-	
-	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn tại các huyện, thành phố được thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt	%		64,1	61,32	64,1		-2,8	-	



CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
A	Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn									
I	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	42.370	222.000	44.960	223.780	106,1	20,3	100,8	
-	Sản lượng thóc	Tấn	35.370	149.410	37.680	150.070	106,5	25,2	100,4	
-	Sản lượng ngô	Tấn	7.000	72.590	7.280	73.710	104,0	10,0	101,5	
1	Lúa cả năm:									
-	Diện tích	Ha	27.592	32.007	27.009	31.950	97,9	84,4	99,8	
-	Năng suất	Tạ/ha	-	46,7	-	47,0	-	-	100,6	
-	Sản lượng	Tấn	35.370	149.410	37.680	150.070	106,5	25,2	100,4	
	Lúa mùa: Diện tích	Ha	17.800	22.741	17.800	22.741	100,0	78,3	100,0	
	Năng suất	Tạ/ha	-	48,1	-	48,1	-	-	100,0	
	Sản Lượng	Tấn	-	109.380	-	109.380	-	-	100,0	
	Lúa đông xuân: Diện tích	Ha	6.807	6.775	6.782	6.782	99,6	100,1	100,1	
	Năng suất	Tạ/ha	55,42	54,5	55,6	55,6	100,3	101,9	101,9	
	Sản Lượng	Tấn	35.370	36.930	37.680	37.680	106,5	102,0	102,0	
	Lúa nương: Diện tích	Ha	2.985	2.490	2.427	2.427	81,3	97,5	97,5	
	Năng suất	Tạ/ha	-	12,4	-	12,4	-	-	99,6	
	Sản Lượng	Tấn	-	3.100	-	3.010	-	-	97,1	
	Lúa hàng hóa tập trung: Diện tích	Ha	1.412	3.500	1.582	3.500	112,0	45,2	100,0	
	Năng suất	Tạ/ha	55,0	51,4	55,0	51,4	100,0	106,9	100,0	
	Sản Lượng	Tấn	7.766	18.000	8.700	18.000	112,0	48,3	100,0	
2	Ngô cả năm									
-	Diện tích	Ha	17.734	19.969	17.193	20.276	96,9	86,1	101,5	
-	Năng suất	Tạ/ha	35,8	36,4	36,4	36,4	101,7	100,1	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
-	Sản lượng	Tấn	7.000	72.590	7.280	73.710	104,0	10,0	101,5	
a)	Ngô xuân hè: Diện tích	Ha	17.734	16.886	17.193	17.193	96,9	101,8	101,8	
	Năng suất	Tạ/ha	35,8	36,4	36,4	36,4	101,7	100,0	100,0	
	Sản Lượng	Tấn	7.000	61.450	7.280	62.570	104,0	11,8	101,8	
b)	Ngô thu đông, đông: Diện tích	Ha		3.083		3.083		-	100,0	
	Năng suất	Tạ/ha		36,1		36,1		-	100,0	
	Sản Lượng	Tấn		11.140		11.140		-	100,0	
3	Cây ăn quả	Ha	6.161	8.407	8.125	8.407	131,9	96,6	100,0	
	Trong đó: Trồng mới	Ha	100	585	59	585	59,0	10,1	100,0	Do thời tiết, tại một số địa phương lượng mưa ít, không đồng đều kết hợp với nắng nóng khô hạn diễn ra vào nửa cuối tháng 4 nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ cây trồng vụ xuân hè, trồng chè mới, trồng cây ăn quả. Mặt khác các huyện dự kiến sẽ trồng tập trung vào tháng 7
	Sản lượng	Tấn	22.000	54.000	23.000	54.000	104,5	42,6	100,0	
II	Cây công nghiệp									
1	Cây chè									
-	Tổng diện tích chè	Ha	7.300	8.482	7.902	8.482	108,2	93,2	100,0	
	Trong đó: Trồng mới	Ha	200	680	100	680	50,0	14,7	100,0	
-	Diện tích chè kinh doanh	Ha	4.705	5.970	5.970	5.970	126,9	100,0	100,0	
-	Năng suất	Tạ/ha		73,7		73,7		0,0	100,0	
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	17.000	44.000	21.000	44.000	123,5	47,7	100,0	
2	Cây cao su: Tổng diện tích	Ha	12.996	12.996	12.986	12.986	99,9	99,9	99,9	Giảm diện tích cao su tiểu điền do người dân tự trồng
III	Chăn nuôi, thủy sản									
1	Chăn nuôi									
a)	Tổng đàn gia súc		330.023	319.500	350.105	320.100	106,1	109,6	100,2	
*	Tổng đàn gia súc chính	Con	290.955	319.500	307.930	320.100	105,8	96,4	100,2	
	- Đàn trâu	Con	95.225	96.300	93.210	96.300	97,9	96,8	100,0	
	- Đàn bò	Con	19.320	20.600	21.420	20.600	110,9	104,0	100,0	
	- Đàn lợn	Con	176.410	202.600	193.300	203.200	109,6	95,4	100,3	
*	Đàn ngựa	Con	5.158		4.960		96,2			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
*	Đàn dê	Con	33.910		37.215		109,7			
b)	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	-2,5	5,01		5,00	2,5	-5,0	(0,0)	
c)	Tổng đàn gia cầm	1000 con	1.490	1.607	1.561	1.607	104,8	97,1	100,0	
d)	Thịt hơi các loại	Tấn	6,4	13,8	7,8	13,8	121,9	56,5	100,0	
	Trong đó: Thịt lợn	Tấn	4,5	9,8	5,5	9,8	122,2	56,1	100,0	
2	Thủy sản									
a)	DT nuôi trồng	Ha	965	966	969	969	100,5	100,3	100,3	
b)	Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng	Tấn	1.034	3.200	1.147	3.250	110,9	35,8	101,6	
-	Nuôi trồng thủy sản (gồm cả cá lồng)	Tấn	875	2.750	923	2.800	105,4	33,6	101,8	
-	Đánh bắt thủy sản	Tấn	114	280	126	280	110,5	45,0	100,0	
-	Nuôi cá nước lạnh	Tấn	44,6	170	98	170	219,7	57,6	100,0	
*	Số cơ sở nuôi cá nước lạnh	Cơ sở	10	10	29	29	290,0	290,0	290,0	10 cơ sở kiên cố; 19 cơ sở tạm
	Thế tích nuôi	M3	15.678	15.678	18.590	18.590	118,6	118,6	118,6	
IV	Lâm nghiệp									
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50,30	51	50,89	51	101,2	99,8	100,0	
2	Tổng DT rừng hiện có (tính cả cao su)	Ha	470.005	476.488	474.069	477.065	100,9	99,5	100,1	
-	Trong đó DT rừng trồng mới tập trung	Ha	730	1.650	735	1.650	100,7	44,5	100,0	
	+ Rừng sản xuất	Ha	670	1.350	670	1.350	100,0	49,6	100,0	
	Trong đó: Quế	Ha	670	1.000	470	1.000	70,1	47,0	100,0	
	Gỗ lớn	Ha		350	200	350		57,1	100,0	
	+ Rừng phòng hộ	Ha	60	300	65	300	108,3	21,7	100,0	
	Trong đó: Sơn tra	Ha	60	50		50			100,0	
a)	Rừng tự nhiên	Ha	437.907	443.085	441.865	443.671	100,9	99,7	100,1	
.	Rừng đặc dụng	Ha	28.778	28.778	28.930	28.930	100,5	100,5	100,5	
	Rừng phòng hộ	Ha	251.286	254.784	252.977	254.784	100,7	99,3	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	1.470,6	6.341,2	1.904,7	6.762,2	129,5	30,0	106,6	
1	Phân theo loại hình kinh tế									
	Công nghiệp quốc doanh	Tỷ đồng	933,1	4.573,7	1.194,9	4.679,7	128,1	26,1	102,3	
	- Trung ương	Tỷ đồng	917,6	4.555,1	1.178,6	4.643,5	128,4	25,9	101,9	
	- Địa phương	Tỷ đồng	15,5	18,6	16,3	36,2	105,2	87,6	194,6	
	Công nghiệp ngoài quốc doanh		537,5	1.767,5	709,8	2.082,5	132,1	40,2	117,8	
2	Phân theo ngành công nghiệp									
	Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng	58,7	122,7	62,4	181,6	106,3	50,9	148,0	
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	201,4	576,0	298,3	653,7	148,1	51,8	113,5	
	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	Tỷ đồng	1.188,8	5.601,6	1.524,1	5.723,8	128,2	27,2	102,2	
	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng	21,7	40,8	19,9	41,6	91,9	48,7	101,8	
3	Một số sản phẩm chủ yếu									
	Điện sản xuất	Triệu kWh	1.314	6.315	1.718	6.697	130,8	27,2	106,1	
	Đá xây dựng	m3	311.227	703.089	316.941	703.348	101,8	45,1	100,0	
	Chè khô các loại	Tấn	3.141	7.640	4.629	9.659	147,4	60,6	126,4	
	Gạch xây dựng các loại	1000 viên	33.780	72.280	61.645	92.347	182,5	85,3	127,8	
	Nước máy sản xuất	100 m3	2.435	4.400	2.604	4.592	106,9	59,2	104,4	
	Quặng các loại	Tấn	1.120	5.500	850	850	75,9	15,5	15,5	
	Xi măng	Tấn	2.280	13.000	3.181	8.231	139,5	24,5	63,3	
	Cao su	Tấn	0	2.500	0	0				
C	Thương mại - Dịch vụ - Xuất nhập khẩu									
I	Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.968,48	6.594	3.366,60	6.594	113,4	51,1	100,0	
	Bán lẻ hàng hóa (thương nghiệp)	Tỷ đồng	2.579,73	5.692	2.900,3	5.692	112,4	51,0	100,0	
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	Tỷ đồng	217,05	496	261,3	496	120,4	52,7	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	Tỷ đồng	1,10	2,8	1,5	2,8	136,4	53,6	100,0	
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	170,60	403	203,5	403	119,3	50,5	100,0	
II	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Tr.USD	27,49	57,70	39,97	58,34	145,4	69,3	101,1	
1	Giá trị xuất khẩu trên địa bàn, trong đó:	Tr.USD	24,07	43,95	18,29	33,34	76,0	41,6	75,9	
-	Xuất khẩu địa phương khác qua địa bàn	Tr.USD	19,01	27,62	8,04	16,37	42,3	29,1	59,3	
-	Xuất khẩu của địa phương	Tr.USD	5,06	16,33	10,25	16,97	202,6	62,8	103,9	
	Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của địa phương									
	- Thảo quả	Tr.USD		0,329		0,5			152,2	
		Tấn		65,72		100			152,2	
	- Chè	Tr.USD	1,513	5,580	2,425	6,20	160,3	43,5	111,1	
		Tấn	747	2.513	1.168	3.100	156,4	46,5	123,3	
	- Hàng hóa khác (Ngô, quả chuối xanh, sắn, nghệ...)	Tr.USD	3,547	10,42	7,825	10,27	220,6	75,1	98,5	
		Tấn	16.941	30.544	23.752	31.125	140,2	77,8	101,9	
2	Giá trị nhập khẩu	Tr.USD	3,419	13,75	21,67	25,0	633,80	157,61	181,82	
III	Doanh thu ngành vận tải	Tr. đồng	101.051	253.800	155.306	249.600	153,7	61,2	98,3	Do ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid 19
	Vận tải hành khách	Tr. đồng	32.750	86.450	50.435	83.280	154,0	58,3	96,3	
	Vận tải hàng hóa	Tr. đồng	68.301	167.350	104.871	166.320	153,5	62,7	99,4	
IV	Dịch vụ du lịch									
1	Tổng lượt khách du lịch	Lượt khách	117.718	470.000	282.504	470.000	240,0	60,1	100,0	
	Trong đó: Khách quốc tế	Lượt khách	5.686	6.000		6.000	-	-	100,0	
	Khách nội địa	Lượt khách	112.032	464.000	282.504	464.000	252,2	60,9	100,0	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	127.514	298.887	188.828	298.887	148,1	63,2	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
	+ Khách quốc tế	Tỷ đồng	140	87		87	-	-	100,0	
	+ Khách nội địa	Tỷ đồng	127.374	298.800	188.828	298.800	148,2	63,2	100,0	
D	Phát triển doanh nghiệp, HTX									
I	Phát triển doanh nghiệp									
1	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập	DN	1.201	1.700	1.647	1.700	137,1	96,9	100,0	
2	Số doanh nghiệp đang hoạt động lũy kế đến kỳ báo cáo	DN	1.294	1.335	1.376	1.335	106,3	103,1	100,0	
3	Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới	DN	60	140	57	140	95,0	40,7	100,0	
4	Số doanh nghiệp giải thể	DN	50	30	6	30	12,0	20,0	100,0	
II	Phát triển HTX									
1	Tổng số HTX	HTX	320	310	346	310	108,1	111,6	100,0	
2	Thành lập mới	HTX	22	25	17	25	77,3	68,0	100,0	
3	Số HTX giải thể	HTX	34	18	7	51	20,6	38,9	283,3	
4	Tổng số tổ hợp tác	THT	226	250	245	250	108,4	98,0	100,0	
E	Văn hóa - xã hội									
I	Tạo việc làm									
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	286.314	296.787	292.951	296.798	102,3	98,7	100,0	
	Tỷ lệ so với dân số	%	61,03	62,11	61,7	62,18	101,1	99,3	100,1	
	- Số lao động chia theo khu vực									
	+ Lao động thành thị	Người	54.672	55.680	55.645	55.684	101,8	99,9	100,0	
	+ Lao động nông thôn	Người	231.642	241.107	237.306	241.114	102,4	98,4	100,0	
2	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	Người	279.786	289.903	285.735	289.923	102,1	98,6	100,0	
	Cơ cấu lao động									
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	70,40	68,4	69,0	68,4	98,0	100,8	100,0	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	10,96	12,1	11,8	12,1	107,7	97,4	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
1	Xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em (tỷ lệ)	Xã	86	86	86	86	100,0	100,0	100,0	
	- Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	80	81	81	81	101,3	100,0	100,0	
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	%	70	73	72	73	102,9	98,6	100,0	
V	Giáo dục									
	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	150	177	167	177	111,3	94,4	100,0	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	44	52,7	49,4	52,7	113,0	93,7	100,0	
	- Cấp mầm non	%	46,5	54,0	51,3	54,0	110,3	95,0	100,0	
	- Cấp Tiểu học	%	53,6	61,1	58,1	61,1	108,4	95,1	100,0	
	- Cấp Trung học cơ sở	%	35,8	45,5	42,2	45,5	117,9	92,7	100,0	
	- Cấp Trung học phổ thông	%	26,1	47,8	39,1	47,8	149,8	81,8	100,0	
VI	Y tế									
1	Số cơ sở y tế quốc lập (*)	cơ sở	120	120	120	120	100,00	100,0	100,0	
2	Cơ sở y tế tư nhân	cơ sở	2	2	2	2	100,00	100,0	100,0	
3	Tổng số giường bệnh quốc lập toàn tỉnh	Giường	1.580	1.590	1.590	1.590	100,63	100,0	100,0	
4	Tổng số cán bộ toàn ngành	Người	2.827	2.944	2.825	2.944	99,93	96,0	100,0	
	Trong đó:									
	Bác sỹ	Người	428	581	548	581	128,04	94,3	100,0	
	Số bác sỹ/vạn dân	1/10,000	9,12	12,17	11,48	12,17	125,88	94,3	100,0	
	Dược sỹ đại học	Người	59	129	56	129	94,92	43,4	100,0	
	Tỷ lệ dược sỹ/vạn dân	1/10,000	1,28	2,70	1,18	2,70	92,19	43,7	100,0	
	Tỷ lệ Trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	18,58	21,7	21,7	21,7	116,79	100,0	100,0	
	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	96,93	96,7	94,43	96,7	97,42	97,7	100,0	Phụ cấp thấp nên không thu hút được nhân viên
5	Một số chỉ tiêu tổng hợp									
	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	Xã	81	91	89	91	109,74	97,8	100,0	
	Trong đó: Số được công nhận mới trong năm	Xã		2		2		-	100,0	
	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	76,5	85,9	83,96	85,85	109,74	97,7	99,9	
	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	29,63	29,68		29,68	0,00	-	100,0	
	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	‰	37	42,53		42,53	0,00	-	100,0	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 6 tháng năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	TH 6 tháng năm 2021/TH 6 tháng năm 2020	TH 6 tháng năm 2021/KH năm 2021	Ước năm 2021/KH năm 2021	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%		18,79		18,79		-	100,0	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao theo tuổi)	%		26,02		26,02		-	100,0	
	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	1/1000,00	23	74		74	0,00	-	100,0	
	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vaccin	%	47,10	94	43,45	94	92,3	46,1	100,0	
	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế		96,80	97	95,62	97	98,8	98,6	100,0	
VII	Văn hóa - Thông tin									
1	Điện ảnh									
	- Tổng số buổi hoạt động nhà nước tài trợ	Buổi	80	620	175	620	218,8	28,2	100,0	
2	Biểu diễn nghệ thuật									
	- Số buổi biểu diễn	Buổi	11	80	32	80	290,9	40,0	100,0	
3	Số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên	Người	127.308	135.065	129.370	135.065	101,6	95,8	100,0	
4	Cơ sở thi đấu TDTT đúng tiêu chuẩn									
	- Sân vận động	Sân	6	6	6	6	100,0	100,0	100,0	
	- Nhà luyện tập thể thao	Nhà	126	133	126	133	100,0	94,7	100,0	
VIII	Viễn Thông									
	- Tổng số trạm BTS	Trạm	1.809	1.444	1.857	1.857	102,7	128,6	128,6	
	- Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	389.021	488.385	392.950	392.950	101,0	80,5	80,5	Do số thuê bao cố định giảm, rà soát loại bỏ các thuê bao rác, thuê bao không chính chủ
	- Tổng số thuê bao Internet	Thuê bao	29.534	38.564	35.991	38.564	121,9	93,3	100,0	
	- Số xã có mạng Internet	xã	108	106	106	106	98,1	100,0	100,0	
IX	Phát thanh - truyền hình									
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%		87,40	80,30	87,40	-	7,1	0,0	
	Tổng số giờ phát thanh	Giờ	51.406	105.312	54.156	105.312	105,3	51,4	100,0	
	Trong đó: + Đài tỉnh	Giờ	10.539	21.078	10.539	21.078	100,0	50,0	100,0	
	+ Đài huyện	Giờ	40.867	84.234	43.617	84.234	106,7	51,8	100,0	
	Tổng số giờ phát sóng truyền hình	Giờ	104.016	296.095	121.380	296.095	116,7	41,0	100,0	
	Trong đó: + Đài tỉnh	Giờ	27.218	54.239	42.227	54.239	155,1	77,9	100,0	
	+ Đài huyện	Giờ	76.798	241.856	79.153	241.856	103,1	32,7	100,0	